

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của các đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Y tế và các đơn vị hoạt động sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y tế.

2. Tài sản cố định vô hình hiện có tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định vô hình do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp đều phải tính hao mòn, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 11 và các trường hợp không thỏa mãn tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Y tế, đơn vị hoạt động sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế và doanh nghiệp được nhà nước giao quản lý tài sản cố định

không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

Điều 3. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

Danh mục, thời gian tính hao mòn tài sản cố định vô hình được quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Y tế, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y tế căn cứ Thông tư số 23/2023/TT- BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các nội dung quy định tại Quyết định này, thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 3598/QĐ-BYT ngày 26/7/2021 quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại các đơn vị hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y tế.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 6. Các Ông/Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Y tế, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Công TTĐT BHYT (để đăng tải);
- Lưu: VT, KH-TC-CS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Đức Luận

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN
VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày / /2025 của Bộ Y tế)

STT	Danh mục	Thời tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả		
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học	25	4
2	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả khác	25	4
3	Chương trình máy tính	5	20
4	Giấy chứng nhận đăng ký khác	25	4
II	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Bằng độc quyền sáng chế	20	5
2	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	10	10
3	Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	5	20
4	Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu	10	10
5	Giấy chứng nhận đăng ký khác	10	10
III	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Giống cây thân gỗ và cây leo thân gỗ	25	4
2	Giống cây khác	20	5
IV	Phần mềm tin học		
1	Nhóm phần mềm hệ thống	5	20
2	Nhóm phần mềm ứng dụng	5	20
3	Nhóm phần mềm công cụ	5	20
4	Nhóm phần mềm tiện ích	5	20
5	Các phần mềm khác	5	20
V	Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất, thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) không thuộc loại I, II, III và IV nêu trên	5	20

Ghi chú: Danh mục chi tiết sản phẩm phần mềm (Loại IV) nêu trên thực hiện theo Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông sửa đổi bổ sung Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm của phần mềm và phần cứng, điện tử./.